TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/KDTM-ST
Ngày: 12-3-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Văn Tâm;

Ông Nguyễn Văn Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 221/2024/TLST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Sản xuất Gỗ P; địa chỉ: đường K, Tổ A, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1981; nơi cư trú: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Nam Toàn F; địa chỉ: đường ĐH406, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1992, chức vụ: Chủ tịch HĐTV kiêm giám đốc. Vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Sản xuất Gỗ P (nguyên đơn) và Công ty TNHH Nam Toàn F (bị đơn) có ký với nhau Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 09/PT/NT-2023 ngày 02/01/2023 với nội dung nguyên đơn bán và gia công các mặt hàng về gỗ cho bị đơn. Qui cách, số lượng, mẫu mã, giá cả sẽ được thể hiện cụ thể trên từng đơn đặt hàng của bị đơn. Hợp đồng có thời hạn đến ngày 01/12/2024.

Sau khi hai bên ký hợp đồng, căn cứ theo yêu cầu đặt hàng của bị đơn thì nguyên đơn đã tiến hành giao tổng số hàng hoá có tổng giá trị là 1.062.871.228 đồng (bao gồm thuế VAT) và nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 14 ngày 29/3/2024 cho bị đơn.

Tính đến thời điểm khởi kiện, bị đơn chỉ mới thanh toán được tổng cộng số tiền là 300.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho nguyên đơn và còn nợ lại số tiền 762.871.228 đồng chưa thanh toán.

Theo thoả thuận thì bị đơn phải thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng, nếu chậm thanh toán sẽ phải trả tiền lãi là 1%/tháng. Tuy nhiên, sau khi nguyên đơn xuất hoá đơn cho bị đơn, thì bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nguyên đơn đã thông báo trả tiền rất nhiều lần và thời hạn cuối bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ là ngày 09/7/2024. Tuy nhiên, đến nay bị đơn vẫn không thực hiện.

Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 793.386.077 đồng, gồm: Tiền nợ gốc 762.871.228 đồng, tiền lãi tạm tính 30.514.849 đồng.

Ngày 07/3/2025, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Xác định tổng số tiền bị đơn đã thanh toán là 600.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là 499.900.926 đồng, gồm: Tiền nợ gốc 462.871.228 đồng, tiền lãi từ ngày 10/7/2024 (ngày thông báo thời hạn thực hiện nghĩa vụ) đến ngày 12/03/2025 là 8 tháng 2 ngày (được làm tròn 8 tháng) với số tiền là 462.871.228 x1% x 8 = 37.029.698 đồng.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá". Buộc Công ty TNHH Nam Toàn F phải thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất Gỗ P số tiền 499.900.926 đồng, gồm: Tiền nợ gốc 462.871.228 đồng, tiền lãi 37.029.698 đồng.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng nguyên tắc, đây là tranh chấp giữa hai chủ thể kinh doanh là thương nhân và đều nhằm mục đích lợi nhuận nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền: Theo hợp đồng hai bên giao kết, các bên có thoả thuận nếu phát sinh tranh chấp thì đưa lên Tòa án kinh tế tỉnh Bình Dương giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên nơi có trụ sở bị đơn giải quyết. Bị đơn có trụ sở tại phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên.

[1.3] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH Nam Toàn F hiện nay đã làm thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh và không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị H hiện không có mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn cũng như người đại diện hợp pháp của bị đơn hợp lệ, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.4] Xét thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 462.871.228 đồng và tiền lãi là 37.029.698 đồng. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Toà án Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 09/PT/NT-2023 ngày 02/01/2023 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn với nội dung là nguyên đơn bán và gia công các mặt hàng về gỗ cho bị đơn. Qui cách, số lượng, mẫu mã, giá cả sẽ được thể hiện cụ thể trên từng đơn đặt hàng của bị đơn. Về hình thức thanh toán, thì nguyên đơn sẽ xuất hoá đơn tài chính cho bị đơn, bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn cho bị đơn. Do đó, Hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán: Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao đầy đủ hàng hoá theo các đơn đặt hàng của bị đơn và nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 14 ngày 29/3/2024 với tổng số tiền hàng là 1.062.871.228 đồng (bao gồm thuế VAT). Tuy nhiên, sau khi nhận hàng bị đơn chỉ mới thanh toán cho nguyên đơn 600.000.000 đồng, còn nợ lại nguyên đơn số tiền hàng là 462.871.228 đồng. Nguyên đơn đã có thông báo yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên bị đơn vẫn không thực hiện. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 462.871.228 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán với số tiền 37.029.698 đồng. Xét thấy, Hợp đồng đã ký giữa các bên thoả thuận lãi suất chậm thanh toán là 1%/tháng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu thanh toán với mức lãi suất nêu trên là phù hợp. Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với với số tiền 37.029.698 đồng.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn không tham gia tố tụng là đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng được pháp luật quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không trực tiếp tham gia tố tụng, bị đơn cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù biết rõ nếu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của mình. Điều này cho thấy bị đơn có ý thức không quan tâm và bỏ mặc cho hậu quả pháp lý có thể xảy ra.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Công ty TNHH Sản xuất Gỗ P phải chịu và đã nộp đủ.

[5]. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

- Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 50; Điều 55; Điều 306; Điều 319 của Luật thương mại;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Gỗ P với bị đơn Công ty TNHH Nam Toàn F về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

Buộc Công ty TNHH Nam Toàn F có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất Gỗ P số tiền là 499.900.926 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng), gồm: Tiền nợ gốc là 462.871.228 đồng, tiền lãi là 37.029.698 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Công ty TNHH Sản xuất Gỗ P phải chịu và đã nộp đủ

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Nam Toàn F phải chịu 23.996.037 đồng (Hai mươi ba triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn không trăm ba mươi bảy đồng).

- Trả lại cho Công ty TNHH Sản xuất Gỗ P số tiền 17.873.722 đồng (Mười bảy triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004713 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- THADS thành phố Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đậu Thị Loan